

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm trước áp lực bán mạnh của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn như Ngân hàng và Bất động sản

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

VND, POW

[Vĩ mô/Chiến lược]

Triển vọng kinh tế vĩ mô 2022

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị có thể gia tăng một phần vị thế trading tại vùng hỗ trợ đã đề cập đối với các cổ phiếu mục tiêu nhưng cần khống chế tỷ trọng ở mức vừa phải, tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro.

18/04/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,432.60	-1.78
VN30	1,468.25	-1.71
HĐTL VN30F1M	1,473.10	-1.31
HNXIndex	403.12	-3.26
HNX30	720.45	-3.09
UPCoM	110.21	-1.91
USD/VND	22,910	+0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.02	+1
Lãi suất qua đêm (%)	2.17	+21
Dầu (WTI, \$)	106.45	-0.47
Vàng (LME, \$)	1,993.34	+0.76

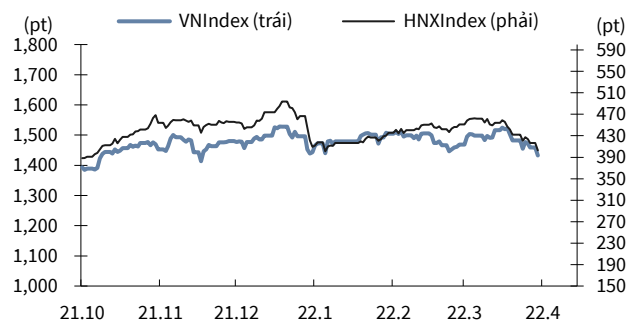


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,432.60 (-1.78%)
KLGD (triệu CP)	606.6 (+0.0%)
GTGD (triệu US\$)	1,137.0 (+20.2%)
HNXIndex	403.12 (-3.26%)
KLGD (triệu CP)	70.2 (+0.0%)
GTGD (triệu US\$)	105.9 (+13.8%)
UPCoM	110.21 (-1.91%)
KLGD (triệu CP)	81.5 (+0.0%)
GTGD (triệu US\$)	54.9 (+13.3%)
NĐTNN mua ròng (triệu US\$)	-0.5

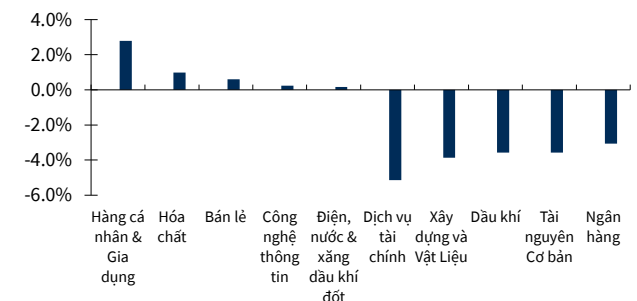
TTCK Việt Nam giảm điểm trước áp lực bán mạnh của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn như Ngân hàng và Bất động sản bởi lo ngại ảnh hưởng từ việc siết trái phiếu doanh nghiệp cũng như cho vay lĩnh vực rủi ro trong khi áp lực lạm phát vẫn hiện hữu và căng thẳng giữa Nga - Ukraine chưa hạ nhiệt. Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC) nhận định nguồn cung cao su thế giới đang bị ảnh hưởng bởi thời tiết cực đoan và thiếu nhân công vì Covid-19 và Trung Quốc đang phong tỏa nhiều thành phố, gây cản trở lớn đến tình hình vận chuyển hàng hóa tới các cảng biển khiến cổ phiếu sao su tăng giá ở GVR (+2.2%), PHR (+1.4%). Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam, trong nửa đầu tháng 4, giá gạo xuất khẩu 100% tấm của Việt Nam đã được điều chỉnh tăng 3 đợt, với tổng mức tăng lên tới 17 USD/tấn và nhu cầu lương thực trên thế giới đang tăng cao giúp cổ phiếu nông nghiệp tăng giá ở LTG (+2.3%). Khối ngoại mua ròng ở GEX (-6.3%), DXG (+2.1%), DPM (+1.8%).

VNIndex & HNXIndex



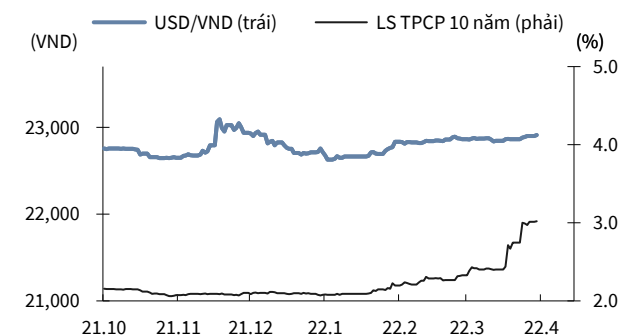
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

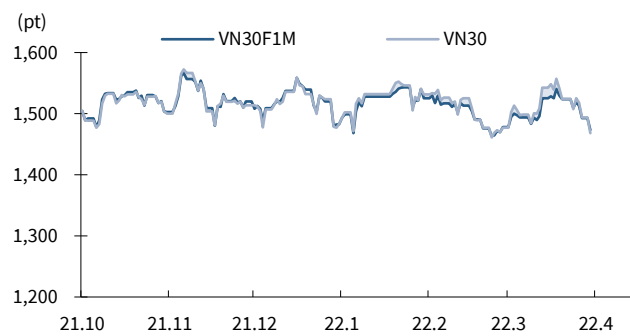
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,468.25 (-1.71%)
VN30F1M	1,473.1 (-1.31%)
Mở cửa	1,494.1
Cao nhất	1,494.4
Thấp nhất	1,471.8

Các HĐTL giảm điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2204 và chỉ số VN30 giảm điểm vào đầu phiên sáng xuống mức thấp nhất tại -7.04 điểm sau đó đảo chiều tạo mức chênh lệch dương quanh 3.9 điểm trước đà giảm mạnh của thị trường cơ sở và đóng cửa tại mức 4.85 điểm. Khối ngoại bán ròng với thanh khoản thị trường tăng mạnh.

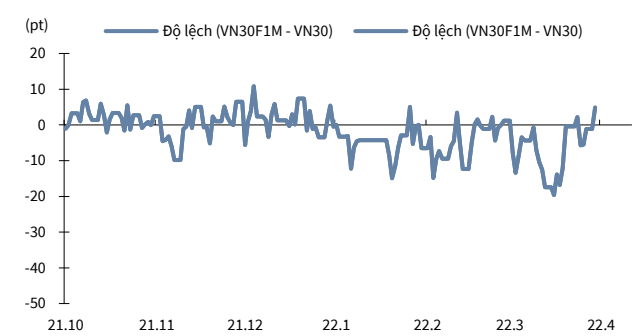
KLGD (HĐ) **198,747 (+16.5%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



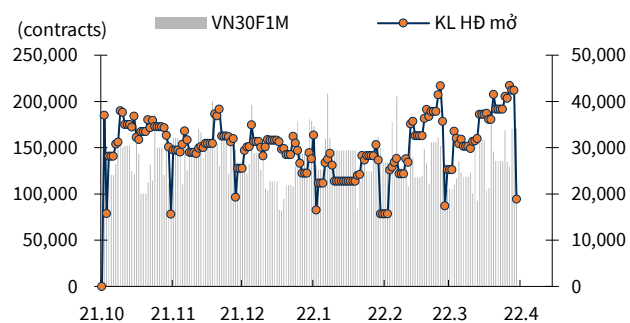
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



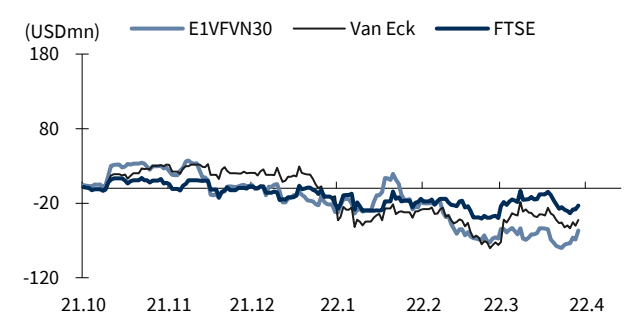
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

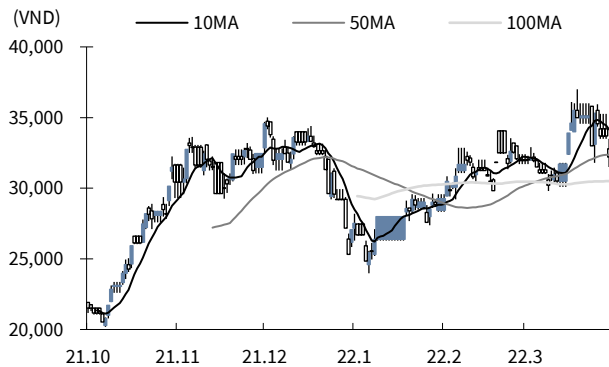
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Chứng khoán VNDIRECT (VND)

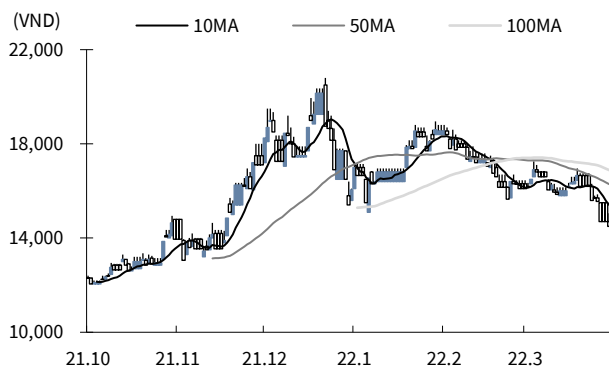


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VND giảm 4.45% xuống 32,200 VND/cp

- VNDirect đặt mục tiêu lợi nhuận sau thuế tăng 32% đạt 2,884 tỷ đồng, doanh thu từ dịch vụ chứng khoán và đầu tư nguồn vốn đạt lần lượt là 1.963 (+20% YoY) và 2,463 tỷ đồng (+35% YoY). Doanh nghiệp dự kiến chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho 1-5 nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp 20% tổng số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm thực hiện chào bán và phát hành cổ phiếu ESOP với giá bán 10.000 đồng/cp tối đa bằng 2% tổng số cổ phiếu lưu hành.

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (POW)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- POW giảm 1.36% xuống 14,500 VND/cp

- PV Power vừa công bố kết quả kinh doanh quý I với lợi nhuận trước thuế 751 tỷ đồng, tăng 10.9% YoY và doanh thu 7,233 tỷ đồng, giảm 5% so với cùng kỳ 2021. Tổng sản lượng điện toàn công ty đạt 3.6 triệu kWh, bằng 79% so với cùng kỳ năm ngoái.

18/04/2022

Lê Hạnh Quyền
Chuyên viên phân tích Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Trần Đức Anh
Giám đốc Kinh tế vĩ mô & Chiến lược thị trường
anhtd@kbsec.com.vn

Triển vọng kinh tế vĩ mô 2022

Một số dự báo của KBSV về kinh tế Việt Nam trong năm 2022 như sau:

- 1) Tăng trưởng GDP năm 2022 được dự báo tăng 6.3% và kỳ vọng tăng trưởng GDP so với cùng kỳ trong Quý 2/2022 sẽ duy trì đà tăng (6.0% YoY) khi nền kinh tế hoạt động bình thường với chiến dịch "sống chung với Covid"
- 2) CPI bình quân ở mức 3.8% cho cả năm 2022, nằm trong mục tiêu lạm phát 4.0% mà Chính phủ đề ra, do chính sách điều hành tiền tệ hỗ trợ ở mức vừa phải của NHNN không tạo nhiều áp lực lên cung tiền, kết hợp với việc đà tăng của giá hàng hoá, chủ yếu là giá xăng dầu kỳ vọng sẽ chững lại
- 3) Lãi suất huy động sẽ tăng (trên dưới 0.5%). Bên cạnh đó, mặt bằng lãi suất cho vay cũng có xu hướng tăng nhẹ nhưng thấp hơn mức tăng của lãi huy động (khoảng 0.2-0.3%) trong bối cảnh lạm phát tăng, cầu tín dụng phục hồi khi mở cửa kinh tế. Dự báo NHNN vẫn sẽ giữ nguyên các loại lãi suất điều hành, không có thay đổi trong kịch bản cơ sở, và tăng trưởng tín dụng mục tiêu đạt 14% tương đương với mức tăng trong năm 2021.
- 4) Tỷ giá USD/VND dự báo tăng nhẹ 0.5-1% với nguồn cung USD ổn định.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



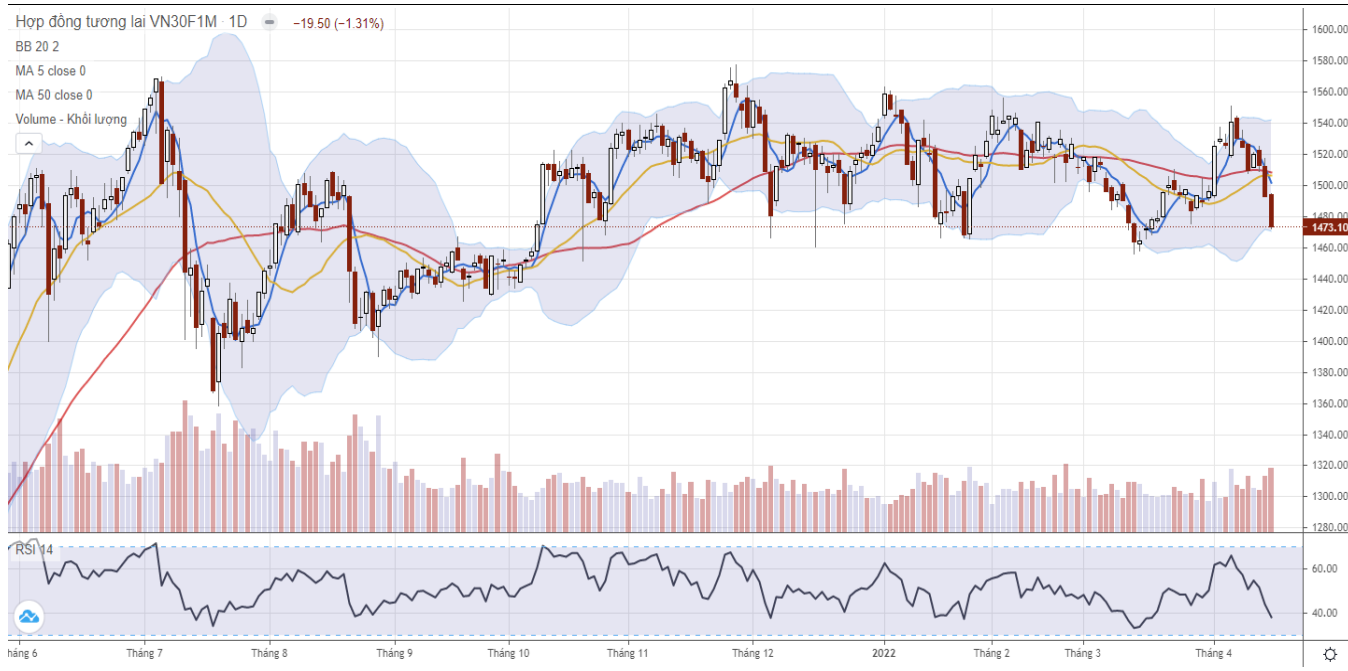
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tiếp tục trải qua một nhịp lao dốc mạnh trong phiên trước khi hồi phục một phần vào cuối phiên.
- Áp lực bán mạnh ngay từ đầu phiên khiến cho chỉ số phá vỡ kênh tăng điểm từ đáy tháng 1 và trạng thái thị trường trở nên tiêu cực hơn. Mặc dù vùng hỗ trợ xa quanh 1420, tương ứng với MA200, đã cho phản ứng và làm giảm đà rơi của chỉ số, VNIndex vẫn đối mặt với rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh trong những phiên tới trước khi thiết lập một mặt bằng giá vững chắc hơn.
- NĐT được khuyến nghị có thể gia tăng một phần vị thế trading tại vùng hỗ trợ đã đề cập đối với các cổ phiếu mục tiêu nhưng cần khống chế tỷ trọng ở mức vừa phải, tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1495 - 1500

Kháng cự gần: 1483 - 1486

Hỗ trợ gần: 1468 - 1470

Hỗ trợ xa: 1457 - 1460

- F1 tiếp tục trải qua một nhịp lao dốc mạnh với biên độ mở rộng về cuối phiên.
- Áp lực bán mạnh ngay từ đầu phiên khiến cho chỉ số phá vỡ kênh tăng điểm từ đáy tháng 1 và trạng thái thị trường trở nên tiêu cực hơn. Mặc dù vùng hỗ trợ xa quanh 147x, đã cho phản ứng và làm giảm đà rơi của chỉ số, F1 vẫn đối mặt với rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh trong những phiên tới trước khi thiết lập một mặt bằng giá vững chắc hơn.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế SHORT tại các nhịp hồi sớm nhưng ưu tiên mở LONG khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ sâu.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở 1 phần trạng thái LONG tại vùng hỗ trợ xa nhưng đặt ngưỡng dừng lỗ chặt.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

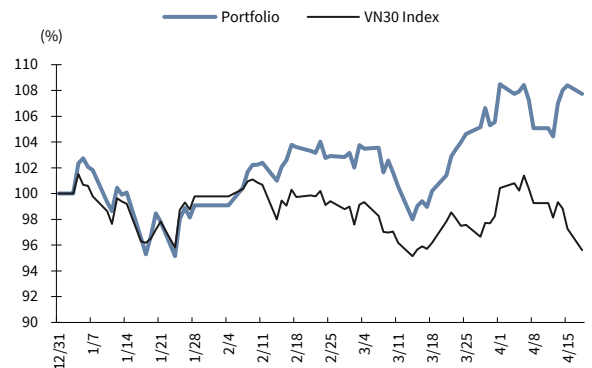
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-1.71%	-0.62%
Tăng lũy kế (YTD)	-4.39%	7.73%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 18/04/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	160,200	0.0%	107.3%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Dam Phu My (DPM)	04/03/2022	72,000	1.8%	19.4%	- Giá phân bón tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	123,500	5.5%	61.1%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	206,000	-0.5%	7.3%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	88,600	1.8%	160.6%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	115,500	0.4%	296.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	29,200	-5.8%	54.5%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	115,300	0.2%	57.1%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	42,650	-3.5%	194.6%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbanc City Development (KBC)	09/03/2020	47,500	-6.1%	246.7%	- Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
GEX	-6.3%	8.5%	81.3
DXG	2.1%	30.5%	65.7
DPM	1.8%	11.3%	58.1
FUEVFNVD	-0.9%	98.0%	51.9
FUESSV50	-0.5%	47.8%	47.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-3.5%	21.9%	-110.6
BVH	0.0%	26.4%	-106.8
CTG	-5.8%	25.7%	-42.9
MSN	-0.8%	28.5%	-42.4
VHM	-1.8%	23.6%	-50.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TVD	-0.6%	2.4%	2.3
IVS	-7.1%	70.6%	1.8
VGS	-4.4%	0.3%	0.6
TA9	0.6%	8.5%	0.5
NDN	-6.7%	1.8%	0.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VCS	0.3%	3.5%	-13.7
IDC	0.0%	1.3%	-10.7
TNG	1.2%	1.9%	-2.4
SHS	-9.4%	8.2%	-2.2
PVS	-2.6%	8.4%	-1.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	10.1%	BVH, MIG
Hóa chất	10.1%	GVR, DGC
Hàng cá nhân & Gia dụng	8.1%	PNJ, STK
Bán lẻ	6.4%	MWG, DGW
Công nghệ thông tin	4.6%	FPT, CMG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	-7.0%	SSI, VCI
Xây dựng và Vật Liệu	-5.6%	VCG, HT1
Ngân hàng	-5.0%	VCB, BID
Tài nguyên Cơ bản	-4.5%	HPG, HSG
Ô tô và phụ tùng	-3.4%	TCH, HHS

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	17.0%	FPT, CMG
Bán lẻ	16.6%	MWG, DGW
Hàng cá nhân & Gia dụng	12.9%	PNJ, MSH
Bảo hiểm	11.2%	BVH, MIG
Hóa chất	8.1%	GVR, DGC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	-12.0%	VCG, ROS
Truyền thông	-11.4%	YEG, ADG
Dịch vụ tài chính	-11.1%	SSI, VCI
Tài nguyên Cơ bản	-9.7%	HPG, HSG
Ô tô và phụ tùng	-9.5%	TCH, HHS

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	235,100 (10.3)	22.5	73.0	39.1	14.7	4.4	8.4	3.0	2.7	-1.5	-2.7	0.9	-16.4
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	296,028 (12.9)	26.6	8.5	7.3	35.9	24.6	22.7	1.9	1.5	-1.8	-7.1	-6.4	-14.9
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	124,058 (5.4)	17.8	28.2	18.2	-7.6	9.0	11.6	2.2	2.0	-0.5	-2.6	-5.0	4.2
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	467,457 (20.4)	31.3	28.5	18.6	6.7	15.2	18.7	3.9	3.1	-2.3	-3.7	6.6	-9.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	62,552 (2.7)	11.6	22.4	18.0	13.7	13.7	14.4	2.6	2.3	-0.4	-3.1	-3.3	-3.3
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	566,798 (24.8)	13.9	15.8	8.2	-	15.0	12.4	1.9	2.2	2.1	-4.3	-8.6	9.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	75,988 (3.3)	6.3	14.1	11.4	11.7	20.1	21.4	2.6	2.2	-3.1	-6.4	-7.7	-1.4
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	106,571 (4.7)	12.7	14.3	10.3	-5.3	17.2	20.2	2.0	1.6	-3.4	-9.4	13.6	2.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	344,248 (15.0)	0.0	7.3	6.0	14.3	21.0	20.6	1.4	1.1	-1.6	-8.2	-8.8	-10.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	173,390 (7.6)	1.4	7.1	6.0	50.3	20.1	20.9	1.3	1.1	-5.8	-8.9	11.0	-13.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	770,786 (33.7)	0.0	11.1	8.9	18.8	16.2	16.9	1.7	1.4	-4.8	-5.5	1.1	2.4
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	443,229 (19.4)	0.0	7.5	6.0	14.6	24.1	23.4	1.5	1.2	-3.5	-8.7	-5.6	4.8
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	108,088 (4.7)	4.2	7.2	6.0	23.3	21.8	21.1	-	-	-1.1	-8.0	-5.8	-15.7
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	431,324 (18.9)	14.0	12.6	7.4	26.5	13.9	17.8	1.4	1.2	-3.7	-6.5	12.4	-7.9
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	194,010 (8.5)	0.0	8.9	7.2	37.4	23.0	22.6	1.9	1.5	1.5	-5.7	-4.1	-7.7
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	19,965 (0.9)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-5.0	-9.8	12.1	-6.1
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	117,155 (5.1)	21.0	22.4	19.3	15.8	10.2	11.1	2.2	2.0	0.0	5.2	19.1	19.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	36,462 (1.6)	14.2	38.7	17.5	9.1	11.6	13.5	4.2	2.0	-3.1	-2.4	0.5	-8.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	344,354 (15.1)	55.4	16.8	15.8	-3.2	15.2	15.2	-	-	-6.3	-	-	-27.6
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	128,349 (5.6)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-7.0	17.0	20.5	-36.1
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	120,130 (5.3)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-6.2	17.1	19.0	-37.1
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	428,703 (18.7)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-4.5	-8.3	0.8	-3.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	247,345 (10.8)	42.1	16.1	14.8	4.0	30.9	32.9	4.6	4.4	0.7	-0.4	1.3	-10.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	30,048 (1.3)	36.9	25.5	21.0	7.3	19.6	21.4	4.6	4.2	0.8	3.5	12.2	12.6
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	135,394 (5.9)	16.5	33.0	24.0	-51.9	17.9	22.6	5.5	4.5	-0.8	0.2	8.9	-13.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	125,696 (5.5)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-7.0	10.0	12.4	-29.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	106,693 (4.7)	11.0	120.4	24.2	-88.5	6.8	19.8	-	-	1.8	-0.1	-6.7	7.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	179,612 (7.9)	10.8	22.8	20.0	-57.0	12.2	13.6	2.6	2.5	-2.1	2.4	4.1	18.6
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	267,191 (11.7)	38.4	9.9	12.9	65.7	14.1	9.3	1.3	1.3	-5.1	-8.2	-8.9	-39.4
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	135,317 (5.9)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-7.0	-	-	-65.7
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	668,070 (29.2)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-6.3	-6.6	17.4	-21.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	105,076 (4.6)	3.6	13.8	10.2	-52.4	4.2	5.4	0.6	0.5	-6.9	24.4	25.3	-40.6
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	81,859 (3.6)	0.0	13.9	11.5	-4.5	13.8	14.4	1.9	1.7	1.8	8.3	23.4	28.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	75,645 (3.3)	46.1	19.0	17.6	-17.5	20.5	19.5	3.9	3.7	0.2	4.6	5.9	19.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	26,421 (1.2)	31.4	13.3	10.7	-10.5	14.3	15.8	1.7	1.5	4.4	4.6	9.0	-5.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,940 (0.1)	34.1	14.7	9.1	-5.1	10.1	17.3	1.3	1.2	-2.6	-6.5	-7.1	-15.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	784,688 (34.3)	18.0	6.6	6.3	21.9	29.9	23.1	1.6	1.3	-3.5	-8.1	-8.3	-8.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	448,117 (19.6)	36.5	8.7	18.2	-0.5	32.8	17.8	2.7	3.6	1.8	12.9	15.2	44.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	329,801 (14.4)	46.5	9.5	13.9	-4.5	29.9	17.6	2.4	2.2	1.8	9.4	2.6	18.5
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	302,881 (13.2)	38.9	5.0	5.7	67.9	24.0	19.9	1.1	1.0	-6.3	-5.3	-	-16.8
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	129,082 (5.6)	97.2	15.4	13.8	17.2	7.0	7.6	1.1	1.0	-6.2	-9.4	-9.9	-21.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	89,775 (3.9)	4.6	19.5	15.5	-51.0	14.1	15.9	2.0	1.9	-3.3	-5.9	-5.4	-1.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	185,685 (8.1)	39.9	30.3	14.2	-11.9	3.3	5.9	0.9	0.8	-5.1	-7.7	-	-3.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	97,313 (4.3)	35.9	8.4	7.2	2.2	16.5	16.4	1.2	1.0	-4.3	-5.5	12.8	-6.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	346,421 (15.1)	0.0	17.8	14.9	14.4	28.1	28.0	4.7	4.0	0.0	6.8	21.7	17.9
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	135,520 (5.9)	0.0	21.1	17.2	2.4	20.9	20.8	3.8	3.1	5.5	7.9	19.3	28.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	11,121 (0.5)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-6.8	-5.8	24.2	-14.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	148,119 (6.5)	30.3	20.5	17.3	-75.2	29.7	27.6	5.8	4.5	-1.8	9.3	11.5	61.2
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	67,618 (3.0)	34.6	11.7	13.2	41.2	35.0	25.3	3.3	2.9	1.4	11.0	14.4	22.7
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	3,568 (0.2)	45.4	17.0	15.6	10.7	20.1	19.9	3.1	2.9	0.1	-4.0	-6.3	-9.7
IT	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	346,071 (15.1)	0.0	20.8	16.6	15.5	27.3	29.5	5.0	4.3	0.4	6.5	21.5	24.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng
ngaphb@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Dầu khí & Tiện ích
quangtpt@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán
huynd1@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Hóa chất
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Thủy sản & Dệt may
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.